TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2019
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim và bà Trần Thị Kim Thủy
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Bùi Mạnh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đinh Công T**; sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 01, khu CK , phường NK, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Thị Đ**; sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu 7, phường TS, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ nơi làm việc: 157-1 Eupseong-ro Jangheung-eup Jangheung- gun Jeollanam-do Korea. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Công T có lời khai thể hiện:

- Về tình cảm: Anh Đinh Công T và chị Bùi Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NK, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 02/11/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì anh T phải đi làm ăn xa vì kinh tế gia đình, sau đó chị Đ cũng sang Hàn Quốc để làm việc, từ đó anh chị không gặp nhau và tình cảm nhạt dần. Đến nay anh T và chị Đ không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn của anh chị đến nay là trầm trọng, không thể hàn gắn được, vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Bùi Thị Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Đinh Minh Đ1, sinh ngày 25/7/2013 và cháu Đinh Minh N, sinh ngày 09/11/2015.

Anh T và chị Đ đều thống nhất giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Bùi Thị Đ có bản tự khai về quá trình tìm hiểu, kết hôn và về con chung như anh T đã trình bày. Chị cũng cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như anh T trình bày và chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn bị đơn đang ở nước ngoài (Hàn Quốc). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Bùi Thị Đ không có mặt tại Việt Nam, nhưng đã có đơn trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết vụ án vắng mặt chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công T:

Về tình cảm: Anh Đinh Công T và chị Bùi Thị Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 02/11/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do anh T phải đi làm ăn xa, một thời gian sau chị Đ cũng sang Hàn Quốc làm việc, từ đó anh chị xảy ra mâu thuẫn. Anh chị thường xuyên bất đồng về quan điểm và không còn sống chung dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, khẳng định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không thể thực hiện được. Anh T khởi kiện xin ly hôn, chị Đ cũng đồng ý, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Đ là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đinh Minh Đ1, sinh ngày 25/7/2013 và Đinh Minh N, sinh ngày 09/11/2015. Anh T và chị Đ đều thống nhất giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh, chị không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

V× c¸c lÏ tr¹n;

QuyÕt ®Þnh

Căn cứ: Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công T

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công T được ly hôn chị Bùi Thị Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Đinh Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Đinh Minh Đ1, sinh ngày 25/7/2013 và Đinh Minh N, sinh ngày 09/11/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007150 ngày 05/12/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đinh Công T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Chị Bùi Thị Đ được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hương Giang

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh*
- *Các đương sự.*
- *THA*
- *Lưu.*